

# NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HSBC (VIỆT NAM)

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND Phân loại lại
<b>TÀI SẢN</b>		
Tiền mặt	446.627	617.761
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9.460.117	2.801.542
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	23.097.193	27.732.104
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	22.439.122	20.840.154
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	658.071	6.891.950
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>591.185</b>	<b>2.175.977</b>
Chứng khoán kinh doanh	591.565	2.203.361
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(380)	(27.384)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>24.451</b>	-
<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>27.084.508</b>	<b>32.790.105</b>
Cho vay khách hàng	27.656.079	33.686.286
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(571.571)	(896.181)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>10.516.364</b>	<b>16.964.853</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.696.113	17.045.494
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(179.749)	(80.641)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>31.692</b>	<b>41.562</b>
Tài sản cố định hữu hình	31.499	41.314
Nguyên giá	214.485	238.169
Giá trị hao mòn lũy kế	(182.986)	(196.855)
Tài sản cố định vô hình	193	248
Nguyên giá	2.374	2.765
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.181)	(2.517)
<b>Tài sản khác</b>	<b>963.188</b>	<b>1.169.501</b>
Các khoản phải thu	68.556	88.841
Các khoản lãi, phí phải thu	636.823	831.657
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	137.718	132.382
Tài sản khác	120.091	116.621
<b>TỔNG TÀI SẢN CỎ</b>	<b>72.215.325</b>	<b>84.293.405</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		
Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác	2.568.685	6.959.215
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	2.568.685	6.959.215
Tiền gửi của khách hàng	57.957.650	65.840.544
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	14.066
<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>1.702.768</b>	<b>1.184.843</b>
Các khoản lãi, phí phải trả	114.643	141.737
Các khoản phải trả và công nợ khác	1.588.125	1.043.106
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>62.229.103</b>	<b>73.998.668</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>9.986.222</b>	<b>10.294.737</b>
Vốn của tổ chức tín dụng	7.528.000	7.528.000
Quý của tổ chức tín dụng	1.315.798	1.175.598
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.142.424	1.591.139
<b>TỔNG VỐN</b>	<b>9.986.222</b>	<b>10.294.737</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>72.215.325</b>	<b>84.293.405</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>		
<b>NGHĨA VỤ NỢ TIẾM ẨN</b>	<b>12.193.142</b>	<b>9.679.391</b>
Cam kết trong nghiệp vụ thu tín dụng	6.627.609	4.619.328
Bảo lãnh khác	5.565.533	5.060.063
<b>CÁC CAM KẾT</b>	<b>37.616.459</b>	<b>22.273.130</b>
Cam kết giao dịch hối đoái	29.789.890	17.123.243
- Cam kết mua ngoại tệ	13.666.378	7.496.772
- Cam kết bán ngoại tệ	13.463.246	7.484.864
- Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	2.660.266	2.141.607
Cam kết cho vay không hủy ngang	4.543.069	1.940.787
Hợp đồng hoán đổi lãi suất	3.283.500	3.209.100

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.909.156	3.181.587
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(651.235)	(765.486)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>2.257.921</b>	<b>2.416.101</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	788.334	769.988
Chi phí hoạt động dịch vụ	(149.263)	(144.783)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>639.071</b>	<b>625.205</b>
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	454.114	488.590
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30.721	5.503
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(1.599)	(80.641)
Thu nhập từ hoạt động khác	140.716	23.614
Chi phí hoạt động khác	(11.746)	(7.640)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>128.970</b>	<b>15.974</b>
<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(2.069.656)</b>	<b>(1.985.852)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>1.439.542</b>	<b>1.484.880</b>
<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(210.502)</b>	<b>(439.451)</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.229.040</b>	<b>1.045.429</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(299.712)	(192.694)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.336	(38.806)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(294.376)</b>	<b>(231.500)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>934.664</b>	<b>813.929</b>

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015 (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

	2015 Triệu VND	2014 Triệu VND Phân loại lại
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.097.723	2.923.675
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(678.329)	(879.824)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	639.182	623.101
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chứng khoán	561.251	520.976
Thu nhập/(chi phí) khác	73.231	(1.388)
Tiến thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	55.709	17.493
Tiến chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(2.001.622)	(1.936.419)
Tiến thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(212.943)	(268.675)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>1.534.202</b>	<b>998.939</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5.385.213	(374.875)
Giảm/(tăng) về kinh doanh chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán	3.391.508	(7.028.220)
Tăng về các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(24.451)	-
Giảm/(tăng) các khoản cho vay khách hàng	6.030.207	(1.354.791)
Sử dụng dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(541.023)	(388.947)
Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động	20.285	(22.838)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		
Giảm các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác (Giảm)/tăng tiền gửi của khách hàng	(4.390.530)	(686.077)
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(7.882.894)	15.169.153
Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	(14.066)	(24.258)
Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	70.077	(275.449)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.578.528</b>	<b>6.012.637</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(16.723)	(5.937)
Tiến thu từ thanh lý tài sản cố định	1.493	170
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(15.230)</b>	<b>(5.767)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
Tiến nhận từ góp vốn	-	2.857.165
Lợi nhuận đã chia	(895.224)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(895.224)</b>	<b>2.857.165</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>2.668.074</b>	<b>8.864.035</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>29.238.003</b>	<b>20.373.968</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>31.906.077</b>	<b>29.238.003</b>

### CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	31/12/2015 Triệu VND, %	31/12/2014 Triệu VND, % Trình bày lại
Vốn điều lệ	7.528.000	7.528.000
Tổng tài sản	72.215.325	84.293.405
Tỷ lệ an toàn vốn (*)	20%	16%
Nợ quá hạn	920.034	1.554.608
Nợ xấu	508.347	973.731
Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động (*)	48%	100%
Số dư bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%
Số dư nợ quá hạn/Tổng dư nợ	1,92%	2,64%
Số dư nợ xấu/Tổng dư nợ	1,06%	1,65%
Hệ số thanh toán ngày (*)	Không áp dụng	53%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (*)	33%	Không áp dụng
Hệ số thanh toán trong 7 ngày tiếp theo (*)		
- Bảng đồng Việt Nam	Không áp dụng	287%
- Bảng đồng Euro	Không áp dụng	770%
- Bảng đồng bảng Anh	Không áp dụng	1048%
- Bảng đồng đô la Mỹ và đồng tiền khác	Không áp dụng	344%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (*)		
- Bảng đồng Việt Nam	Tuần thứ	Không áp dụng
- Bảng ngoại tệ	Tuần thứ	Không áp dụng
<b>Doanh số huy động tiền gửi</b>	<b>1.590.938.697</b>	<b>1.560.377.243</b>
<b>Doanh số cho vay</b>	<b>96.870.901</b>	<b>138.873.175</b>
<b>Doanh số thu nợ</b>	<b>103.186.493</b>	<b>137.424.639</b>

**Từ ngày 1 tháng 2 năm 2015**  
Các chỉ tiêu tài chính được trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 ("Thông tư 36") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

**Trước ngày 1 tháng 2 năm 2015**  
Các chỉ tiêu tài chính được trình bày phù hợp với các quy định của Thông tư số 13/2010/TT-NHNN ngày 20 tháng 5 năm 2010 ("Thông tư 13") của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng được bổ sung và sửa đổi bởi các Thông tư số 19/2010/TT-NHNN ngày 27 tháng 9 năm 2010 ("Thông tư 19"), Thông tư số 22/2011/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2011 ("Thông tư 22") và Thông tư số 33/2011/TT-NHNN ngày 8 tháng 10 năm 2011 ("Thông tư 33"). Do đó, các chỉ tiêu tài chính và việc số dụng các chỉ tiêu này không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và các yêu cầu của Thông tư 13, Thông tư 19, Thông tư 22 và Thông tư 33 về việc trình các chỉ tiêu tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam.

*(Chữ ký)*  
Vũ Ngọc Minh Châu  
Kiểm soát Tài chính

*(Chữ ký)*  
Nguyễn Thị Thanh Trúc  
Giám đốc Tài chính

*(Chữ ký)*  
Phạm Hồng Hải  
Tổng Giám đốc  
Ngày 24 tháng 3 năm 2016



### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

#### Gửi Hội đồng thành viên Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam)

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016, từ trang 2 đến trang 8, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và các chỉ số tài chính quan trọng được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2016. Báo cáo tài chính đầy đủ này và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

#### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt theo các tiêu chuẩn quy định bởi pháp luật.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo - được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ngân hàng - đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, phù hợp với tiêu chuẩn được quy định bởi pháp luật.

#### Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính tóm tắt của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà Báo cáo kiểm toán của họ để ngày 24 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

*(Chữ ký)*  
Nguyễn Phi Lân  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0573-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

*(Chữ ký)*  
Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5148  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2016